

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST

Ngày 21/7/2026

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Anh Việt.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Nhàn và bà Lê Thị Cần.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/6/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 02/7/2026, giữa các đương sự:

- N đơn: Chị Đinh Thị Mai P, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 4, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Vũ Cao N, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Hợp Hòa, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, N đơn chị Đinh Thị Mai P trình bày:

Chị Đinh Thị Mai P và anh Vũ Cao N có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/01/2011 tại UBND xã Ia Drang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (cũ), nay là UBND xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Ngay sau khi đăng ký kết hôn, chị P và anh N xảy ra mâu thuẫn, bất đồng nên đã không tổ chức đám cưới và cũng chưa chung sống với nhau ngày nào. Từ khi đăng

ký kết hôn đến nay đã hơn 15 năm nhưng chị P và anh N không liên lạc hay hỏi thăm, quan tâm gì tới nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh N không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn anh Vũ Cao N không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: N đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tại phiên tòa, N đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt N đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đinh Thị Mai P và anh Vũ Cao N là hợp pháp. Ngay sau khi đăng ký kết hôn, chị P và anh N phát sinh mâu thuẫn nên anh chị đã không tổ chức đám cưới và không chung sống ngày nào, vợ chồng anh chị đã không sống cùng nhau 15 năm nay, chị P có đơn xin ly hôn, anh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh N không đến Toà án để tham gia tố tụng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị P không còn yêu thương anh N. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh N không có con chung, tài sản chung, nợ chung, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đinh Thị Mai P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vũ Cao N có địa chỉ tại: Thôn Hợp Hòa, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Cao N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tại phiên tòa, N đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt N đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự..

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Mai P và anh Vũ Cao N trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai, vì vậy hôn nhân giữa chị P và anh N là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi đăng ký kết hôn, chị P và anh N chưa tổ chức đám cưới và cũng chưa chung sống với nhau ngày nào thì phát sinh mâu thuẫn. Từ khi chị P và anh N đăng ký kết hôn đến nay là 15 năm nhưng chị P và anh N không chung sống với nhau ngày nào, cũng không liên lạc, quan tâm hay hỏi thăm gì tới nhau. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn để chung sống hạnh phúc với nhau nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng chị P và anh N không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị P không còn yêu thương anh N, không còn mong muốn chung sống cùng anh N nữa. Như vậy, chị P và anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, lấy lời khai, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện anh N không còn quan tâm tới quan hệ hôn nhân với chị P, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, chị P yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày vợ chồng chị không có con chung, tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh N cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đinh Thị Mai P là N đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Mai P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Mai P được ly hôn với anh Vũ Cao N.
2. Về án phí: Buộc chị Đinh Thị Mai P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002951, ngày 02/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị P đã nộp đủ án phí.

N đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 8;
- Các đương sự;
- UBND xã Chư Prông;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đặng Anh Việt